

BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CNCN THỦ DẦU MỘT THÁNG 08/2023

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm	
				Giá trị min	Giá trị max
1	Độ pH	-	6,0 - 8,5	6,9	7,23
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	≤ 1.000	85	92
3	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục*	NTU	≤ 2	0,39	0,56
5	Độ màu	Pt-Co	≤ 15	2	
6	Độ cứng tổng cộng	mg/L CaCO ₃	≤ 300	46	52
7	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)	mg/L	≤ 250	20	24
8	Clo dư	mg/L	0,2 - 1,0	0,45	0,65
9	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N)	mg/L	$\leq 0,05$	KPH (LOD: 0,01 mg/L)	
10	Hàm lượng Nitrate (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	≤ 2	0,91	1,3
11	Hàm lượng Sunphate (SO ₄ ²⁻)	mg/L	≤ 250	15,68	23
12	Hàm lượng Sắt tổng (Fe _{tc})	mg/L	$\leq 0,3$	0,02	0,03
13	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	$\leq 0,1$	0,018	0,026
14	Chỉ số Pecmanganat	mgO ₂ /L	≤ 2	0,75	1,05
15	<i>Coliform tổng</i>	CFU/100mL	< 3	0	
16	<i>E. coli</i>	CFU/100mL	< 1	0	
17	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	$\leq 0,3$	0,05	0,09
18	Hàm lượng Nhôm (Al)	mg/L	$\leq 0,2$	0,03	0,08
19	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	≤ 1	0,01	
20	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	≤ 2	0,01	